

Số: 68/2005/QĐ-UB

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 5 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về một số chính sách tài chính cho việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các Khu công nghiệp tập trung và vùng phụ cận

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- Căn cứ Nghị quyết số 22/2002/NQ-HĐ ngày 29 tháng 6 năm 2002 của Hội đồng nhân dân thành phố về đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các Khu công nghiệp và vùng phụ cận;
- Xét Tờ trình số 247/TTr-BCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Ban Chỉ đạo công tác di dời các cơ sở sản xuất - kinh doanh gây ô nhiễm môi trường thành phố;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo quyết định này quy định về một số chính sách tài chính cho việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các Khu công nghiệp tập trung và vùng phụ cận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 81/2002/QĐ-UB ngày 08 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo công tác di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở - ngành có liên

quan, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển đô thị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc và Giám đốc các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải di dời vào các Khu công nghiệp tập trung và khu quy hoạch của thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.-

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ Hỗ trợ phát triển Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Các Đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- CN các Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng;
- Đầu tư, Ngân hàng Cổ phần trên địa bàn TP;
- VPHĐ-UB: Các PVP;
- Các Tổ ĐT, DA, CNN, TM, VX, TH (5b) ;
- Lưu (CNN-T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

QUY ĐỊNH

Một số chính sách tài chính cho việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các Khu công nghiệp tập trung và vùng phụ cận

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2005/QĐ-UB ngày 04 tháng 5
năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1.1. Đối tượng áp dụng:

Là các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp, chăn nuôi, chế biến thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, v.v... gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Trung ương và thành phố quản lý, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã, tổ sản xuất, hộ sản xuất cá thể (gọi tắt là cơ sở sản xuất) phải di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

1.2. Phạm vi:

Chính sách ưu đãi theo quy định này được áp dụng đầy đủ cho các cơ sở sản xuất được thành lập trước khi Luật môi trường có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 1994. Các cơ sở sản xuất thành lập sau khi Luật môi trường có hiệu lực thi hành được hưởng mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ (đối với các loại hỗ trợ bằng tiền) cho các cơ sở sản xuất thành lập trước khi Luật môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Nguyên tắc:

2.1- Phân định rõ trách nhiệm, mục tiêu và quyền lợi giữa Nhà nước và các cơ sở sản xuất; trong đó, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất thực hiện được việc di dời. Về phía các cơ sở sản xuất phải xác định đây là trách nhiệm đồng thời cũng là quyền lợi của mình, phải chủ động, tích cực giải quyết việc gây ô nhiễm môi trường ở cơ sở của mình, hoặc tổ chức thực hiện ngay việc di dời vào các Khu công nghiệp tập trung hoặc các khu quy hoạch (nếu nằm trong danh sách phải di dời).

2.2- Ban chỉ đạo công tác di dời là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất cần phải di dời và tháo gỡ những vướng mắc, trở ngại cho cơ sở sản xuất phải di dời. Ban

chỉ đạo di dời không làm thay chức năng, nhiệm vụ của các sở - ngành thành phố và quận - huyện trong việc tổ chức thực hiện và đôn đốc di dời.

2.3- Chính sách ưu đãi này áp dụng từ nay đến hết năm 2006. Sau thời gian này, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ áp dụng các biện pháp mạnh để xử phạt hành chính hoặc cưỡng chế đối với các trường hợp gây ô nhiễm môi trường và không thực hiện kế hoạch di dời đã được thành phố công bố.

Chương II CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI

Điều 3. Chính sách hỗ trợ về vốn đầu tư xây dựng cơ sở mới:

3.1. Vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà xưởng:

3.1.1. Thủ tục chuyển nhượng:

a) Đối với doanh nghiệp Nhà nước:

Sau khi có quyết định phương án xử lý bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê của cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp Nhà nước tiến hành thuê doanh nghiệp tư vấn đo vẽ lại diện tích nhà đất và thuê doanh nghiệp Nhà nước thực hiện việc thẩm định giá. Sau khi có chứng thư thẩm định giá, đơn vị gọi toàn bộ hồ sơ nhà đất và chứng thư thẩm định giá cho Sở Tài chính để kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá khởi điểm để bán đấu giá.

Việc bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện theo hình thức bán đấu giá theo quy chế do Ủy ban nhân dân thành phố quy định. Trường hợp đặc biệt sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Đối với các cơ sở sản xuất có vốn ngân sách Nhà nước tham gia như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và hợp tác xã:

Trường hợp phần đất của mặt bằng, nhà xưởng đang sử dụng thuộc sở hữu Nhà nước, các cơ sở sản xuất phải thực hiện thủ tục bán nhà xưởng và chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đối với doanh nghiệp Nhà nước nêu trên.

c) Đối với các cơ sở sản xuất còn lại (ngoài các đối tượng đã nêu ở mục a và b).

Việc xử lý mặt bằng cũ (không thuộc sở hữu Nhà nước) do các cơ sở sản xuất tự quyết định theo quy định hiện hành.

3.1.2. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng:

Giá trị chuyển nhượng được xác định gồm hai phần: Giá trị tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất.

a) Đối với doanh nghiệp Nhà nước:

+ Phần giá trị tài sản trên đất: Doanh nghiệp được quản lý và sử dụng cho việc đầu tư xây dựng cơ sở mới tại địa điểm di dời theo quy định hiện hành.

+ Phần giá trị quyền sử dụng đất: Được nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố và được theo dõi chi tiết cho từng đơn vị. Khi cấp có thẩm quyền quyết định cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở mới tại các địa điểm phù hợp với quy hoạch của thành phố theo dự án đầu tư được phê duyệt thì doanh nghiệp được sử dụng số tiền tạm giữ này để đầu tư xây dựng cơ sở mới.

b) Đối với các cơ sở sản xuất có vốn ngân sách Nhà nước tham gia như:

Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và hợp tác xã:

+ Phần giá trị tài sản trên đất: Được quyền tự quyết định quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành.

+ Phần giá trị quyền sử dụng đất:

- Nếu không thuộc sở hữu Nhà nước thì chủ sở hữu tự quyết định việc quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành.

- Nếu thuộc sở hữu Nhà nước, phải nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính thành phố mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố và sẽ được thành phố xem xét hỗ trợ lại theo quy định của Chính phủ. Số tiền còn lại được nộp vào ngân sách Nhà nước theo chế độ quản lý ngân sách.

3.1.3. Trường hợp đất đang sử dụng nằm trong quy hoạch đã được duyệt:

Trường hợp đất đang sử dụng nằm trong quy hoạch xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất sẽ được bồi thường, hỗ trợ như sau:

+ Đối với đất được Nhà nước giao cho các cơ sở sản xuất (thuộc các thành phần kinh tế) có thu tiền sử dụng đất mà tiền đó không thuộc nguồn ngân sách Nhà nước hoặc đất đang sử dụng có nguồn gốc hợp pháp (có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

+ Đối với đất được Nhà nước cho thuê, giao cho các cơ sở sản xuất mà không phải nộp tiền sử dụng đất hoặc đã nộp tiền sử dụng đất bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì không được bồi thường về đất nhưng được đền bù chi phí đã đầu tư vào đất (nếu có).

Trong trường hợp này, đối với doanh nghiệp Nhà nước thuộc thành phố quản lý (sau khi sử dụng từ nguồn vốn bán nhà xưởng, nguồn đền bù chi phí đầu tư vào đất, tài sản trên đất bị thu hồi; nguồn vốn tự có của đơn vị, nguồn cân đối đầu tư từ đơn vị chủ quản) nếu còn thiếu vốn đầu tư, sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bổ sung vốn theo dự án đầu tư cơ sở mới do thành phố phê duyệt trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

3.1.4. Trường hợp xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với đất đang sử dụng:

Trường hợp các cơ sở sản xuất sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích đất hiện đang sử dụng để lập dự án đầu tư xây dựng nhà cao tầng kinh doanh căn hộ, văn phòng, khách sạn và các mục đích khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả liên doanh, liên kết) phù hợp với quy hoạch và đúng chức năng đã đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp thì đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cho phép bán chỉ định mặt bằng này và phải nộp ngân sách Nhà nước tiền chuyển quyền sử dụng đất theo bảng giá đất Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành để thi hành Luật Đất đai (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2005).

Trường hợp mặt bằng Nhà nước giao hoặc cho các cơ sở sản xuất (thuộc các thành phần kinh tế) thuê mà thực tế không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích thì Nhà nước sẽ thu hồi mà không bồi thường thiệt hại về đất.

3.2. Chính sách hỗ trợ lãi vay trong trường hợp các cơ sở sản xuất có vay vốn để đầu tư xây dựng cơ sở mới hoặc vay để thuê mượn mặt bằng nhà xưởng tại địa điểm mới hoặc hợp đồng thuê mặt bằng nhà xưởng theo hình thức “Hợp đồng trả chậm” có tính lãi trả chậm:

3.2.1. Đối với các cơ sở sản xuất phải di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoặc thuê mượn mặt bằng nhà xưởng tại địa điểm mới các cơ sở sản xuất được sử dụng nguồn tiền thu được từ việc chuyển nhượng mặt bằng nhà xưởng cũ (bao gồm cả phần tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất) và các nguồn vốn khác của doanh nghiệp.

+ Trong trường hợp các cơ sở sản xuất chưa chuyển nhượng được mặt bằng nhà xưởng cũ hoặc đã chuyển nhượng rồi nhưng vẫn thiếu vốn (hoặc không có mặt bằng nhà xưởng để chuyển nhượng vì trước đây thuê mượn nay phải trả lại cho chủ sở hữu) phải vay thêm một phần hay toàn bộ vốn để đầu tư xây dựng (hoặc vay vốn để thuê mượn mặt bằng nhà xưởng tại địa điểm mới) và vay vốn để đổi mới công nghệ - thiết bị sẽ được ngân sách thành phố hỗ trợ 100% lãi vay theo mức lãi suất bình quân của 4 (bốn) ngân hàng thương mại Nhà nước công bố ở từng thời điểm (như đối với chương trình kích cầu thông qua đầu tư), về thủ tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ lãi vay thuộc chương trình di dời (riêng phần vốn vay để chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất tại địa điểm mới được tính tối đa cho diện tích ở địa điểm mới bằng diện tích đất hiện đang sử dụng). Thời gian hỗ trợ lãi vay bắt đầu từ khi cơ sở sản xuất vay vốn đến khi chuyển nhượng được mặt bằng nhà xưởng cũ, nhưng tối đa không quá 02 (hai) năm.

+ Trường hợp các cơ sở sản xuất được các Khu công nghiệp tập trung cho thuê đất hoặc thuê mặt bằng nhà xưởng hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “Hợp đồng có tính lãi suất trả chậm” sẽ được thành phố hỗ trợ 100% lãi suất trả chậm theo mức lãi suất bình quân của 4 (bốn) ngân hàng thương mại Nhà nước công bố ở từng thời điểm (như đối với chương trình kích cầu thông qua đầu tư) trong thời gian 02 (hai) năm.

3.2.2. Đối với các cơ sở sản xuất được quy hoạch xử lý ô nhiễm tại chỗ (không phải di dời):

Khi thực hiện việc đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm, thành phố sẽ ưu tiên cho vay không lãi suất từ Quỹ giảm thiểu ô nhiễm công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp của thành phố để thực hiện. Việc cho vay trong trường hợp này được thực hiện theo quy chế quản lý Quỹ của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 4. Chính sách ưu đãi về thuế:

Các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố (được hình thành trước và sau khi Luật môi trường có hiệu lực thi hành) khi có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phải di dời vào Khu công nghiệp tập trung hoặc vùng phụ cận sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy ưu đãi đầu tư và hưởng các khoản ưu đãi về thuế như sau:

4.1. Miễn tiền thuê đất (đối với các cơ sở sản xuất thuê đất của Nhà nước) 3 (ba) năm kể từ khi ký hợp đồng thuê. Nếu các cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người thì được miễn tiền thuê đất 6 năm.

4.2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Được miễn thuế 2 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 2 (hai) năm tiếp theo.

Các cơ sở sản xuất đã được cấp “Giấy ưu đãi đầu tư” theo Quyết định số 81/2002/QĐ-UB ngày 08 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

4.3. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa sau đây do trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng:

Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng cho sản xuất (nằm trong dây chuyền công nghệ) và đưa đón công nhân nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc mở rộng quy mô đầu tư, đổi mới công nghệ và phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho hưởng ưu đãi đầu tư chấp thuận và phải đăng ký với hải quan cửa khẩu để thực hiện.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ:

5.1. Đối với các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ gặp khó khăn về địa điểm và vốn để di dời, thành phố sẽ quy hoạch và cho phép đầu tư một số Khu công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp và làng nghề để ưu tiên cho các đối tượng này thuê theo nhu cầu sử dụng với giá thuê thấp hơn giá thị trường nhằm giúp các cơ sở sản xuất này giảm bớt khó khăn khi thực hiện kế hoạch di dời. Để có giá thành cho thuê thấp hơn giá thị trường, thành phố sẽ có chính sách hỗ trợ về tài chính đối với từng phương án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp và làng nghề nêu trên (theo tiêu chí xây dựng làng nghề của thành phố ban hành).

5.2. Trường hợp các cơ sở sản xuất (không phải là doanh nghiệp Nhà nước) không thuê mặt bằng trong Khu công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp, làng

nghề mà không có giá ưu đãi cho doanh nghiệp di dời ô nhiễm thì thành phố sẽ hỗ trợ 200.000 đồng/m² tiền thuê đất thuê tại địa điểm mới nhưng không quá 1,2 lần diện tích mặt bằng đơn vị đang quản lý và sử dụng và phân kỳ hỗ trợ căn cứ theo phương thức thanh toán trong hợp đồng kinh tế ký kết giữa đơn vị cho thuê và đơn vị thuê.

5.3. Riêng các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ, vốn ít, tổ chức sản xuất theo kiểu gia đình,... thành phố sẽ hỗ trợ khuyến khích 1.000.000đồng/lao động đối với những cơ sở sản xuất chuyển đổi ngành nghề trong năm 2003; hỗ trợ 800.000đồng /lao động đối với những cơ sở sản xuất chuyển đổi ngành nghề trong năm 2004 và 2005.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp và làng nghề cho các cơ sở sản xuất di dời thuê:

6.1- Thành phố cho phép các đơn vị có chức năng đầu tư hạ tầng thuộc các thành phần kinh tế thực hiện đầu tư xây dựng một số Khu công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp và làng nghề để tiếp nhận các cơ sở sản xuất di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

6.2- Để giảm giá thành đầu tư khi tính giá cho thuê mặt bằng tại các Khu công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp và làng nghề phục vụ các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm di dời, ngân sách thành phố sẽ hỗ trợ 100% lãi vay đầu tư theo mức lãi suất bình quân của 4 (bốn) ngân hàng thương mại Nhà nước công bố ở từng thời điểm (như chương trình kích cầu thông qua đầu tư) đối với các hạng mục công trình hoặc công trình sau đây:

- + Xây dựng hệ thống giao thông;
- + Xây dựng nhà máy xử lý nước thải trung tâm;
- + Các công trình phúc lợi phục vụ cán bộ, công nhân, viên chức của cơ sở sản xuất như nhà trẻ, mẫu giáo, phòng khám bệnh.

6.3- Thời gian hỗ trợ lãi vay bao gồm thời gian xây dựng công trình và thời gian sau khi các cơ sở sản xuất (thuê mặt bằng) đi vào hoạt động sản xuất ổn định (có khả năng trả tiền thuê mặt bằng) nhưng không quá 5 (năm) năm kể từ khi đơn vị thực hiện việc vay vốn và trả lãi vay.

6.4- Trường hợp đặc biệt sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng dự án cụ thể trên cơ sở đề xuất của Ban chỉ đạo công tác di dời ô nhiễm.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức của cơ sở sản xuất phải di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố tại cơ sở mới:

Đối với các cơ sở sản xuất có quy mô sản xuất vừa và lớn, sử dụng nhiều công nhân, nếu có vay vốn đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê hoặc bán cho công nhân của mình, sẽ được thành phố hỗ trợ phần lãi vay với mức 3%/năm theo mức lãi suất bình quân của 4 (bốn) ngân hàng thương mại Nhà nước công

bổ ở từng thời điểm như chương trình kích cầu thông qua đầu tư; thời gian hỗ trợ lãi vay kể từ khi cơ sở thực hiện vay vốn, nhưng tối đa không quá 3 (ba) năm.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ đối với số lao động mới được tuyển dụng:

Thành phố khuyến khích các cơ sở sản xuất quan tâm tuyển dụng nhiều lao động có hộ khẩu thường trú tại quận-huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh; mức hỗ trợ là 300.000đồng /lao động (đối với số lao động mới được tuyển dụng trong thời gian từ năm 2002 đến hết năm 2006).

Số tiền hỗ trợ này các cơ sở sản xuất được chi phí cho việc đào tạo bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho số lao động mới được tuyển dụng nói trên.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ đối với lao động nghỉ việc khi doanh nghiệp Nhà nước phải di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố:

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước thuộc đối tượng gây ô nhiễm phải di dời vào các Khu công nghiệp tập trung và vùng phụ cận khi xây dựng phương án di dời có kết hợp thực hiện các biện pháp sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy mô mới, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt sẽ được ngân sách hỗ trợ giải quyết cho số lao động dôi dư (do doanh nghiệp di dời) phải nghỉ việc hoặc nghỉ hưu sớm như sau:

9.1. Đối với số lao động được nghỉ hưu trước tuổi (đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn):

9.1.1. Không trừ phần trăm tiền lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi.

9.1.2. Khi nghỉ hưu trước tuổi được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

+ Trợ cấp 03 (ba) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho mỗi năm (12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi.

+ Trợ cấp 05 (năm) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho 20 (hai mươi) năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội, từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp thêm 1/2 (nửa) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng.

9.1.3. Đối với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa 01 (một) năm, thì được ngân sách Nhà nước đóng một lần số tiền bảo hiểm xã hội cho những tháng còn thiếu với mức 15% tiền lương tháng để giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng.

9.2. Đối với số lao động phải nghỉ việc (đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn) được hưởng các chế độ sau:

9.2.1. Được trợ cấp mất việc làm tính theo năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước, cứ mỗi năm được trợ cấp 01 (một) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng nhưng thấp nhất cũng bằng 02 (hai) tháng tiền lương, phụ cấp lương đang hưởng (nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp không đủ khả năng chi trả).

9.2.2. Được hỗ trợ thêm hai khoản sau:

+ Được trợ cấp 01 (một) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước.

+ Được trợ cấp một lần với mức 5.000.000 (năm triệu) đồng.

9.2.3. Được hưởng 06 (sáu) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng để đi tìm việc làm. Nếu người lao động có nguyện vọng học nghề thì ngoài khoản tiền lương được hưởng đi tìm việc làm nói trên còn được đào tạo tối đa 06 (sáu) tháng tại các cơ sở dạy nghề do Nhà nước quy định, Nhà nước cấp kinh phí cho các cơ sở dạy nghề này để đào tạo lao động dôi dư.

9.3. Đối với số lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 (một) đến 03 (ba) năm khi doanh nghiệp Nhà nước di dời thì chấm dứt hợp đồng lao động (nghỉ việc) được hưởng các chế độ sau:

9.3.1. Được trợ cấp mất việc làm tính theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước, cứ mỗi năm được trợ cấp 01 (một) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng (nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp không đủ khả năng chi trả).

9.3.2. Được trợ cấp 70% tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho những tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, những tối đa không quá 12 (mười hai) tháng.

9.4. Nguồn kinh phí:

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước Trung ương: Được sử dụng từ Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư, do Bộ Tài chính quản lý và điều hành.

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước địa phương: Trong khi Bộ Tài chính chưa ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư, tạm thời được sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp thành phố để chi.

Sau khi có quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do Bộ Tài chính ban hành, thành phố sẽ xem xét, điều chỉnh lại nguồn chi.

9.5. Ngoài các chính sách quy định trên đây, người lao động khi phải nghỉ việc (do doanh nghiệp di dời và sắp xếp, cơ cấu lại) còn được tạo điều kiện vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm để tự tạo việc làm và được giới thiệu việc làm mới theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ di dời khác:

Để khuyến khích, động viên kịp thời đối với các cơ sở sản xuất thực hiện di dời, thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi quy định theo Quyết định này, thành phố sẽ trích từ Quỹ giảm thiểu ô nhiễm môi trường của thành phố để hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất tích cực thực hiện sớm việc di dời như sau:

10.1. Nếu các cơ sở sản xuất thực hiện di dời và thực tế hoạt động ở địa điểm mới từ năm 2002 sẽ được hỗ trợ tối đa là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tùy theo số lao động bình quân được sử dụng trong năm, cụ thể là:

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm trên 500 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 400 đến 500 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 300 đến dưới 400 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 200 đến dưới 300 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 100 đến dưới 200 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 50 đến dưới 100 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 10 đến dưới 50 người sẽ được hỗ trợ số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

+ Đối với cơ sở sản xuất sử dụng số lao động bình quân trong năm dưới 10 lao động sẽ được hỗ trợ 1.000.000 đồng/lao động nếu trường hợp di dời trong năm 2002 và 800.000 đồng/lao động nếu thực hiện việc di dời từ năm 2003 đến 2005.

10.2. Nếu cơ sở sản xuất thực hiện di dời và thực tế hoạt động ở địa điểm mới trong năm 2003 thì mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định áp dụng cho năm 2002 (nêu ở điểm 10.1 trên đây), trừ trường hợp chỉ có dưới 10 lao động.

10.3. Nếu cơ sở sản xuất thực hiện di dời và thực tế hoạt động ở địa điểm mới trong năm 2004, 2005 và 2006 thì mức hỗ trợ bằng 30% mức hỗ trợ quy định áp dụng cho năm 2002 (nêu ở điểm 10.1 trên đây), trừ trường hợp chỉ có dưới 10 lao động.

Số tiền hỗ trợ nêu ở điểm 10.1, 10.2, 10.3, các cơ sở sản xuất được sử dụng để chi phí cho việc di dời như: Tháo dỡ máy móc, nhà xưởng, vận chuyển đến địa điểm mới, trợ cấp khó khăn cho cán bộ, công nhân, viên chức do phải ngừng sản xuất để di dời.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Tổ chức thực hiện:

11.1. Ban chỉ đạo di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường thành phố có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về trình tự, thủ tục pháp lý khi thực hiện các chính sách ưu đãi và tổ chức thực hiện ngay các nội dung đã được quy định trong Quyết định này đến các đối tượng có liên quan thực hiện.

11.2. Thủ trưởng các sở-ngành thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có nhiệm vụ phổ biến đầy đủ các chính sách ưu đãi này đến các đối tượng phải di dời để triển khai thực hiện.

11.3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp thực tế, Ban chỉ đạo di dời, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ sở sản xuất phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ